

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

-Bản án số: **93/2024/DS-ST**

-Ngày: **08/4/2024**

-V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Chiến**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Huyền Trân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 426/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Hữu T, sinh năm 1972.** (có mặt)

Địa chỉ: số 114 Ô 1, Khu 1, Thị trấn C, huyện C, tỉnh T

2. Bị đơn: **Phan Hồng L, sinh năm 1982.** (có mặt)

Phan Thị Hà H, sinh năm 1983. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Long T, xã Quơn L, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình ông Trần Hữu T trình bày:*

Qua quen biết, ngày 10/10/2020 âm lịch, anh có cho vợ chồng anh L và chị H vay số tiền 600.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh mua bán, lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng. Anh L và chị H có viết giấy biên nhận và ký tên, khi nào cần tiền thì báo anh L và chị H biết trước 01 tháng. Khi cần tiền, anh T đã thông báo trước nhưng anh L và chị H không trả và kéo dài đến nay nên anh T khởi kiện.

Vì vậy, anh T yêu cầu anh L, chị H có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn còn nợ là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 8/2022 đến ngày xét xử tính

tròn 20 tháng, lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền 99.600.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi 699.600.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc vợ chồng anh L xin trả dần mỗi tháng, anh không đồng ý, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Phan Hồng L và Phan Thị Hà H cùng trình bày:* Anh, chị thừa nhận tính đến ngày 10/10/2020 âm lịch, vợ chồng anh, chị có vay và còn nợ anh T số tiền 600.000.000 đồng. Anh, chị vay tiền để làm vốn làm ăn, kinh doanh mua bán. Khi vay vợ chồng anh, chị có ký tên Giấy vay tiền và đưa anh T giữ. Do thời gian gần đây, việc làm ăn bị thất bại nên vợ chồng anh, chị chưa trả vốn cho anh T.

Nay anh T khởi kiện, vợ chồng anh, chị đồng ý trả số nợ vốn 600.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi cho anh T với tiền lãi tính từ tháng 8/2022 đến ngày xét xử tính tròn 20 tháng, lãi suất 0.83%/tháng thành tiền là 99.600.000 đồng nhưng anh, chị không khả năng trả một lần, xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L, chị H liên đới trả lại số tiền nợ đã vay 600.000.000 đồng và tiền lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L, chị H liên đới trả lại số tiền nợ đã vay 600.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh T cung cấp bản chính “Giấy cho vay tiền ngày 10/10/2020 âm lịch” với nội dung thể hiện anh L, chị H vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, có chữ ký tên, họ tên của anh T là bên cho vay và chữ ký tên, họ tên của anh L, chị H phía bên vay.

Xét thấy, tại “Giấy cho vay tiền ngày 10/10/2020 âm lịch”, qua hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa, anh L, chị H thừa nhận có vay và còn nợ anh T số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Anh, chị có viết biên nhận và có ký tên, họ tên phía vay và anh T ký tên bên cho vay. Do thời gian gần đây, việc làm ăn bị thất bại nên anh, chị chưa trả vốn cho anh T.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định anh L, chị H có vay tiền và còn nợ anh T số tiền vốn 600.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận vay trong 12 tháng kể từ ngày vay tiền sẽ trả lại nhưng do việc làm ăn bị thất bại nên vợ chồng anh L, chị H chưa trả vốn cho anh T và kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ của bên vay do đó anh T khởi kiện yêu cầu anh L, chị H trả số nợ 600.000.000

đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh L, chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vay còn nợ là 600.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện, anh T khởi kiện yêu cầu anh L, chị H có nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/11/2020 (nhằm ngày 10/10/2020 âm) đến ngày xét xử, lãi suất 0.83%/tháng.

Tại phiên tòa, anh T thông cảm hoàn cảnh gia đình anh L, chị H còn khó khăn nên chỉ yêu cầu anh L, chị H trả số tiền lãi tính từ tháng 8/2022 đến ngày xét xử, tính tròn là 20 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền 99.600.000 đồng. Anh L, chị H đồng ý trả số tiền lãi này.

Xét thấy, anh L, chị H đã vi phạm thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó anh T yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh, chị còn nợ với mức lãi suất và thời gian chậm trả nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh L, chị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi nêu trên cho anh T.

[4] Về thời gian trả tiền:

Anh T yêu cầu anh L, chị H trả số tiền nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Anh L, chị H xin trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, anh L, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, anh T không đồng ý cho trả dần do đó nếu anh L, chị H trả dần sẽ kéo dài thời gian trả nợ làm thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp cho anh T nên việc anh T yêu cầu trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc anh L, chị H có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên, anh L, chị H có đơn xin giảm nộp một phần án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giảm $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm cho anh, chị.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu T.**

1. Anh Phan Hồng L và chị Phan Thị Hà H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Hữu T số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và 99.600.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 699.600.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi anh Trần Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Hồng L và chị Phan Thị Hà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Phan Hồng L và chị Phan Thị Hà H có nghĩa vụ liên đới chịu 15.992.000 đồng.

+ Hoàn lại cho anh Trần Hữu T số tiền 17.387.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026459 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI HÒA XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Cc. THADS huyện C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn;

Phạm Văn Tài

